

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Thanh Đình
- Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công Ki vụ án dân sự thụ lý số 322/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu N, sinh năm: 1991; hộ khẩu thường trú: Khu phố Q, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Chỗ ở hiện nay: Số nhà 331 đường P, phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Võ Tuấn K, sinh năm: 1984; địa chỉ: tổ 1, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu N trình bày: Chị Lê Thị Thu N và anh Võ Tuấn K tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ

chồng làm ăn, lập nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Từ giữa năm 2016, vợ chồng sống ly thân, không còn tình cảm với nhau, phân ai nấy sống. Nay, chị Lê Thị Thu N xin ly hôn với anh Võ Tuấn K.

Về con chung: Chị Lê Thị Thu N và anh Võ Tuấn K có 01 con chung là cháu Võ Tuấn K, sinh ngày: 31-7-2013, hiện nay cháu K đang ở với anh K. Khi ly hôn, chị N giao cháu K cho anh K nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Võ Tuấn K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2013, anh Võ Tuấn K và chị Lê Thị Thu N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn vợ chồng sống ly thân một thời gian dài. Nay, chị Lê Thị Thu N xin ly hôn với anh Võ Tuấn K, anh K đồng ý.

Về con chung: Anh Võ Tuấn K và chị Lê Thị Thu N và có 01 con chung là cháu Võ Tuấn K, sinh ngày: 31-7-2013, hiện nay cháu K đang ở với anh K. Khi ly hôn, anh K đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu N và anh Võ Tuấn K. Về con chung: Giao cháu Võ Tuấn K cho anh Võ Tuấn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị N cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Về tài sản chung; nợ chung: Không có. Án phí chị N tự nguyện chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn anh Võ Tuấn K có nơi cư trú hiện nay tại tổ 1, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Khoản 1

Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu N và bị đơn anh Võ Tuấn K đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2013, chị Lê Thị Thu N và anh Võ Tuấn K tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh K là hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, chị N và anh K đều trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, nay chị Lê Thị Thu N xin ly hôn anh Võ Tuấn K, anh K đồng ý. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu N và anh Võ Tuấn K theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Lê Thị Thu N và anh Võ Tuấn K có 01 con chung là cháu Võ Tuấn K, sinh ngày: 31-7-2013, hiện nay cháu K đang sinh sống với anh K. Khi ly hôn, chị N giao cháu K cho anh K nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh K đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và đồng ý mỗi tháng chị N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng. Xét thấy, hiện nay cháu K đang sinh sống cùng anh K và cháu có nguyện vọng ở với anh K, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt và ổn định của cháu K, Giao cháu Võ Tuấn K cho anh Võ Tuấn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, mỗi tháng chị Lê Thị Thu N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi cháu K tính từ tháng 9-2022 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Thu N tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải nộp 300.000 đồng án phí về phần cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng chị N phải nộp 450.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 00003726 ngày 08-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Chị Lê Thị Thu N phải nộp tiếp 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu N và anh Võ Tuấn K.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Tuấn K, sinh ngày: 31-7-2013 cho anh Võ Tuấn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị Thu N cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9 năm 2022.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thu N và anh Võ Tuấn K đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu N tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải nộp 300.000 đồng án phí về phần cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng chị N phải nộp 450.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 00003726 ngày 08-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Chị Lê Thị Thu N phải nộp tiếp 150.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND thị trấn P, huyện
T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Kim Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Tân Nguyễn Thị Anh Thư

Lê Thị Kim Loan

